

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ – ST
Ngày: 05/4/2021
V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu

Bà Lê Thị Thận

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng:** ông An Bắc Lùng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 443/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 10 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 74/2020/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị C, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: thôn 8, xã B, huyện Đ, tỉnh P.

2. *Bị đơn:* Anh Vi Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 9, xã B, huyện Đ, tỉnh P.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2020 quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị C trình bày: Chị C và anh Vi Văn T tự nguyện chung sống cuối năm 2014, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh P; thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chị C và gia đình nhà chồng xảy ra mâu thuẫn, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không hòa thuận nên chị C và anh T đã sống ly thân liên tục từ năm 2015 đến nay; không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, sống bỏ mặc nhau, không có trách nhiệm gì với nhau; hiện nay chị C thấy không còn tình cảm với anh T,

không thể chờ lại đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Vi Văn T: Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã B được biết anh Vi Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 9, xã B, huyện Đ, tỉnh P nhưng hiện nay anh T đã bỏ đi khỏi địa phương, anh T không trình báo gì với địa phương, địa phương không biết anh T đang cư trú tại đâu. Tòa án nhân dân đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, đã thông báo trên đài truyền hình trung ương, báo trung ương nhưng anh T không liên hệ, không đến Tòa án để làm việc.

Các tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn nộp bản trích lục kết hôn ngoài ra không giao nộp gì thêm. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ các Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị C và anh Vi Văn T tự nguyện chung sống và kết hôn năm 2014, tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh P phù hợp với bản trích lục kết hôn đã được chị C giao nộp hợp pháp tại Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Thị C và anh Vi Văn T là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời khai của chị C cho rằng giữa anh T và chị C phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân giữa chị C và gia đình anh T xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường cãi vã, không hòa hợp, từ năm 2015 chị C và anh T sống ly thân liên tục đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, sống bỏ mặc nhau, không có trách nhiệm gì với nhau; hiện nay chị C thấy không còn tình cảm với anh T, không thể chờ lại đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn. Qua lời khai các nhân chứng xác định được chị C và anh T sống ly thân từ năm 2015 liên tục đến nay, anh T không quan tâm gì đến chị C. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị C và anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

[2] Về con chung: không có.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị C phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Quan điểm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Lý Thị C được ly hôn với anh Vi Văn T.

[2] Về con chung: không có

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lý Thị C nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0010402, ngày 11/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU THÙY LINH